

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/12/2022.

(V/v xin ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

****/ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Bùi Văn T.

****/ Hội thẩm nhân dân:*** Bà Trần Thị H H1 và bà Lê Thị O.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị T1 – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu T2 A - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2022/LHST – HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

****/ NgU đơn:***- Chị Phạm Thị D, sinh năm 1997 (Có mặt).

Sinh quán: Thôn Y, xã V, huyện Q, tỉnh H2; Nơi đăng ký HKTT: Thôn H3, xã T3, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở hiện tại: S, sảnh B, phường Đ, quận H4, thành phố H5

****/ Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994 (Có mặt).

Đăng ký HKTT, trú tại: Thôn H3, xã T3, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

**/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Phạm Thị Tố U, sinh ngày 30/6/2020.

Đăng ký HKTT: Thôn H3, xã T3, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Giám hộ cho cháu U là anh Nguyễn Văn M và chị Phạm Thị D – Bố, mẹ đẻ của cháu.

**/ Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H3, xã T3, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994 là người ở xã T3, huyện K trên cơ sở tự nguyện và được tự do tìm hiểu có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã T3 - huyện K, vào ngày 10/02/2020.

Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh M tại Thôn H3, xã T3. Anh chị chung sống bình thường được khoảng hơn 1 năm thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh M là người không có lập trường, nghe gia đình, không coi chị ra gì. Mỗi khi có chuyện gì khúc mắc giữa chị và gia đình anh M thì anh M mặc kệ dù cho người nhà anh M có mắng chửi chị. Không những thế anh M không quan tâm gì đến chị, chị đi lấy chồng xa 3 năm thì cả 3 Tết chị đều không được về nhà bố mẹ đẻ chơi....Nhiều lần chị tham gia với anh M để anh M nghĩ và hiểu cho chị thì anh M không nghe. Cuộc sống vợ chồng chị từ đó thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên đến tháng 8/2022 chị bỏ nhà anh M đi lên Hà Nội làm ăn. Từ đó đến nay chị và anh M sống ly thân nhau mỗi người một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau.

Đến thời điểm này chị xác định tình cảm vợ chồng đã không còn từ lâu, cuộc sống hôn nhân chỉ là trên danh nghĩa. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh M để chị sớm ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Tố U, sinh ngày 30/6/2020. Khi chị đi thì có mang cháu U đi cùng, tuy nhiên sau đó khoảng 1 tháng thì anh M đến giằng co mang cháu U về nuôi, vài lần chị có đến thăm nom cháu U thì gia đình anh U không cho thăm và đuổi chị đi. Khi ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng chăm sóc cho cháu U vì cháu U là con gái, lại đang nhỏ tuổi và rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Hiện chị làm công việc tự do, thu nhập bình quân của

chị là 15.000.000 đồng/1 tháng. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Anh cũng khai nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Phan Thị D trình bày. Sau khi kết hôn đến nay thì chúng anh chung sống hoàn toàn bình thường, không có mâu thuẫn gì. Chỉ cách đây vài tháng giữa vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do hiểu nhầm nhỏ. Cụ thể chị D có thái độ cư xử không đúng mực của một người làm con với bố mẹ anh. Bản thân anh thì đứng ở giữa, đang tìm cách giải quyết. Do mâu thuẫn giữa bố mẹ anh với chị D chưa được giải quyết nên cách đây 3 tháng chị D đã tự động bỏ nhà đi về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh vẫn sống tại nhà của bố mẹ ở Thôn H3, xã T3. Từ đó đến nay vợ chồng anh sống ly thân nhau, mỗi người một nơi. Bản thân anh công việc bận nên cũng không quan tâm được đến chị D, khi đó chị D mang cả con đi nên thỉnh thoảng anh có gọi điện để thăm hỏi con và nói chuyện với chị D về mâu thuẫn giữa chị D và bố mẹ anh. Khi đó chị D vẫn bảo thủ và không muốn giải quyết mâu thuẫn với bố mẹ anh, không những thế còn nói chuyện ly hôn anh. Nay chị D xin ly hôn anh thì quan điểm của anh là không nhất trí mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái và bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị D.

Về con chung: Giả sử vợ chồng anh ly hôn thì anh đề nghị Tòa án xem xét nếu ai có điều kiện tốt hơn thì giao cho người đó. Hiện anh làm công việc tự do, thu nhập bình quân của anh là 20.000.000 đồng/1 tháng. Bản thân chị D thì cũng làm công việc tự do, thu nhập bao nhiêu anh không nắm được, hiện cũng ở nhờ nhà bố mẹ đẻ. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, anh không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp với gia đình hai bên nội ngoại: Chị D và anh M đều không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết.

Tại bản tự khai của người làm chứng là ông Nguyễn Văn C(Bố đẻ anh M) trình bày: Vào năm 2020 ông có tổ chức hôn lễ cho anh M với chị D. Hai anh chị đã có 01 con chung. Trong thời gian chung sống anh M là người lo toan tất cả mọi mặt trong gia đình, chị D ở nhà không phải lo lắng gì. Trong cuộc sống vợ chồng thì anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nay chị D xin ly hôn anh M thì gia đình không mong muốn, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết giúp gia đình.

Tại biên bản xác minh, UBND xã T3 cung cấp: Vợ chồng chị D và anh M đã làm thủ tục đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T3 - huyện K, vào ngày 10/02//2020. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do hai bên bất đồng quan điểm lối sống, không tôn trọng nhau, hiện hai anh chị đã sống ly thân. Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Phạm Thị Tố U, sinh ngày 30/6/2020. Đồng thời UBND xã có quan điểm mâu thuẫn giữa chị D và anh M là có thật nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị D có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến và quan điểm.
- Bị đơn anh Nguyễn Văn M có mặt, xin thay đổi quan điểm là nhất trí ly hôn với chị M, nhất trí giao con chung cho chị D nuôi. Tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con cho chị M với mức là 5.000.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.
- Vắng mặt người làm chứng ông Nguyễn Văn C, có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn một số lần vắng mặt không tuân theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn M; Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận về việc giao cháu Nguyễn Phạm Tố U cho chị D nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con của anh M hàng tháng cho chị D là 5.000.000 đồng. Sau khi ly hôn, anh M được quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật; Tài sản chung và công nợ chung của anh Nguyễn Văn M và chị D thì không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. **Về tố tụng:** Chị Phạm Thị D có đơn đề nghị TAND huyện K giải quyết ly hôn cho chị và anh Nguyễn Văn M, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn H3, xã T3, huyện K, tỉnh Hưng Yên, và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Thị D và bị đơn Anh Nguyễn Văn M đều có mặt; người làm chứng ông Nguyễn Văn Chiến đã có quan điểm xin được giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 229 của BLTTDS năm 2015.

[2]. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị D kết hôn với anh M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T3 - huyện K, vào ngày 10/02/2020 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng nhau về quan điểm lối sống. Vợ chồng không tin tưởng nhau và không biết cảm thông, chia sẻ với nhau. Cả hai đã ly thân nhau từ tháng 02/2022 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Chị D xác định không còn tình cảm với anh M nên xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Bản thân anh M cũng nhất trí với chị D.

Chị D và anh M, cũng như người thân trong gia đình anh chị thì thấy rằng quá trình chung sống chị D và anh M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng và sẽ chia được với nhau. Chị D và anh M đã ly thân nhau từ tháng 02/2022 cho đến nay.

Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị D và anh M nhất trí là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 55, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn.

[3]. **Về con chung:** Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn M có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Tố U, sinh ngày 30/6/2020. Hiện cháu U đang ở cùng với anh M. Chị D có nguyện vọng xin nuôi cháu U, anh M cũng nhất trí. Cháu U còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định của khoản 1, khoản 2 Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh M tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con chung là 5.000.000 đồng/1 tháng và được chị D nhất trí nên được hội đồng xét xử ghi nhận. Sau khi ly hôn, anh M có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Chị D và anh M đều không yêu cầu đặt ra giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Phạm Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị D đã nộp theo biên lai thu số 0007994 ngày 03/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K nên chị D đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí của mình.

Anh Nguyễn Văn M phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ: Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; của BLTTDS 2015; Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Phạm Thị D và bị đơn anh Nguyễn Văn M.

[3]. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn M về việc giao cháu Nguyễn Phạm Tố U, sinh ngày 30/6/2020 cho chị D nuôi. Anh Nguyễn Văn M có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Phạm Tố U cho chị Phạm Thị D nuôi kể từ ngày 27/01/2023.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn M về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Kể từ tháng 01/2023 cho đến khi cháu Nguyễn Phạm Tố U trưởng thành (đủ 18 tuổi) thì mỗi tháng anh Nguyễn Văn M phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị Phạm Thị D là 5.000.000đ/01 tháng (Năm triệu đồng trên một tháng).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và chị Phạm Thị D có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu anh Nguyễn Văn M chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án và khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nói trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn M có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Tòa án không đặt ra xem xét ở trong vụ án ly hôn này.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị D đã nộp theo biên lai thu số 0007994 ngày 03/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K nên chị D đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí của mình.

Anh Nguyễn Văn M phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt tất cả các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã T3;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS K/C;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Văn T

